TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **345**/2019/DS-ST
Ngày: 27-9-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 168/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2019/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ông Trần Văn M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp An H, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Kha Bích P, sinh năm 1979

Địa chỉ: 41/49/18 Cù lao Nguyễn Kiệu, Phường 1, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Diệp Minh H, sinh năm 1991 (Giấy ủy quyền số công chứng: 012265, quyển số 06/2018/HĐGD-CCBN ngày 22/6/2018).

Địa chỉ: 61 Đoàn Như Hài, Phường 12, Quận 4-TP. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị H1, sinh năm 1971

Địa chỉ: 122/34/15/4 Tôn Đản, Phường 10, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

(Ông H và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P có ông Diệp Minh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Cuối năm 2014, vợ chồng ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P có thuê nhà tại số 122/38/18A Tôn Đản, Phường 10, Quận 4, gần nhà của bà Trần Thị H1. Vì vậy, giữa vợ chồng ông M và gia đình bà H1 có quen biết qua lại với nhau. Từ ngày 03/10/2017 đến ngày 30/10/2017 với lý do cần tiền để mua nguyên liệu sản xuất giày dép, bà H1 đã liên tiếp vay tiền của vợ chồng ông M nhiều lần với tổng số tiền 130.000.000 đồng để sản xuất kinh doanh. Ngày 03/11/2017, bà H1 đã trả hết cho vợ chồng ông M số tiền 130.000.000 đồng. Từ ngày 10/11/2017 đến ngày 03/02/2018, vợ chồng ông M đã cho bà H1 vay số tiền 180.000.000 đồng. Là chỗ quen biết, tin tưởng nhau nên khi cho bà H1 vay tiền, vợ chồng ông M không lập hợp đồng vay tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 5%/ ngày. Việc vay mượn này không có thế chấp bất cứ tài sản hoặc giấy tờ nào khác. Từ ngày 03/02/2018 đến ngày 03/3/2018, bà H1 có thanh toán tiền lãi cho vợ chồng ông M, tiền vốn thì chưa thanh toán. Vợ chồng ông M đã nhiều lần liên hệ nhưng bà H1 lẩn tránh và không thanh toán tiền vốn cho vợ chồng ông M như thỏa thuận.

Nay ông M, bà P yêu cầu bà H1 thanh toán cho ông M, bà P số tiền vốn đã vay là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Ông M và bà P yêu cầu bà H1 thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông M và bà P chỉ cho một mình bà H1 vay tiền, không liên quan đến chồng bà H1 nên ông Minh, bà P chỉ yêu cầu một mình bà H1 thanh toán số tiền nợ nêu trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H1 trình bày: Bà có vay tiền của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P nhiều lần, tổng cộng số tiền gốc mà bà đã vay là 180.000.000 đồng. Ngày 03/02/2018, bà và ông M có ký giấy cam kết mượn tiền. Theo giấy cam kết, bà xác nhận có mượn của vợ chồng ông M số tiền 180.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 01 năm. Bà có đưa bản sao chứng minh nhân dân để làm tin. Ngoài ra, bà không cầm cố bất cứ tài sản hay giấy tờ nào khác cho vợ chồng ông M. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 15%/tháng. Mỗi ngày bà trả cho vợ chồng ông M số tiền lãi là 900.000 đồng/ngày. Việc trả tiền lãi hai bên không lập biên bản giao nhận. Bà trả tiền lãi được một thời gian thì không có khả năng thanh toán nữa. Bà xác nhận đến nay, bà còn nợ vợ chồng ông M số tiền 180.000.000 đồng. Vì kinh tế khó khăn nên bà xin trả số tiền trên bằng cách trả góp mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Số tiền bà vay vợ chồng ông M là để sử dụng cho riêng cá nhân bà, không liên quan đến chồng bà là ông Trần Ngọc Ph. Ông Ph không biết gì về việc vay nợ của bà. Đây là việc cá nhân giữa bà và vợ chồng ông M nên một mình bà có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông M số tiền nêu trên.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị H1 phải thanh toán cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P số tiền vốn còn thiếu tổng cộng là 180.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu là vụ án dân sự về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 4 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Diệp Minh H vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2018, ông Trần Ngọc Ph trình bày: Ông không biết gì về việc vợ ông là bà Trần Thị H1 vay tiền của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P. Đối với số tiền 180.000.000 đồng mà bà H1 đã vay của ông Minh và bà Phượng thì ông không biết và không sử dụng số tiền trên. Đây là việc cá nhân giữa bà H và ông M, bà Ph nên tự bà H1 giải quyết với ông M và bà Ph, không liên quan đến ông.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2018, bà H1 cũng xác nhận, số tiền 180.000.000 đồng bà vay của ông Minh, bà P là để tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến ông Ph. Do đó, Hội đồng xét xử không đưa ông Trần Ngọc Ph vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[4] Tiền nợ gốc: Căn cứ vào lời khai và sự xác nhận của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án (biên bản lấy lời khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản đối chất và Biên bản H giải cùng ngày 18/10/2019; Biên bản H giải ngày 12/11/2018 và ngày 19/11/2018), có cơ sở xác định bà Trần Thị H1 có vay của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P số tiền tổng cộng 180.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Hồ không thanh toán tiền vốn cho ông Minh và bà Phượng như thỏa thuận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định **"*Bên vay tài sản là***

tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do đó, ông M và bà P yêu cầu bà H1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Thời hạn thanh toán: Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H1 đã vi phạm thời hạn thanh toán, ông M và bà P đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, ông M và bà P yêu cầu bà H1 phải thanh toán số tiền vốn còn thiếu ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà H1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho ông M và bà P.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P.

Buộc bà Trần Thị H1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P số tiền vốn là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị H1 phải chịu án phí là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

2.2. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 4.500.000 đồng (bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) cho ông Trần Văn M và bà Nguyễn Kha Bích P theo biên lai số AG/2014/0009091 ngày 04/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Kiều